

www.mientayvn.com

Dịch tiếng anh chuyên ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

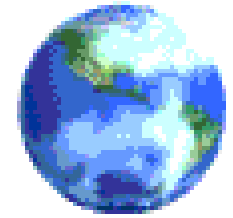
Dịch các bài giảng trong chương trình học liệu mở của học viện MIT, Yale.

Tìm và dịch tài liệu phục vụ cho sinh viên làm seminar, luận văn.

Tại sao mọi thứ đều miễn phí và chuyên nghiệp ???

Trao đổi trực tuyến:

http://www.mientayvn.com/chat_box_sinh.html



D A D A N G

S I N H H O C



a d n g s i n h h c



A D N G S I R H H C

- I. Khái niệm về a d ng sinh h c.
- II. Vai trò của a d ng sinh h c.
- III. a d ng sinh h c.
 1. a d ng v Loài.
 2. a d ng Di Truy n.
 3. a d ng H sinh thái.
- IV. Tình hình s d ng.
- V. Nguyên nhân làm giảm số a d ng sinh h c.
- VI. H u qu .
- VII. Hình thức bảo tồn a d ng sinh h c.

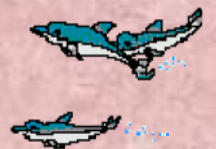


A D N G S I N H H C

I. Khái niệm và đặc trưng sinh học.

- Theo công ước về đa dạng sinh học được đưa ra vào năm 1992 tại hội nghị Liên Hiệp Quốc về môi trường và sự phát triển, đa dạng sinh học được định nghĩa là toàn bộ sự phong phú của các cơ thể sống và các tổ hợp sinh thái mà chúng là thành viên, bao gồm sự đa dạng bên trong giữa các loài và sự đa dạng của các hệ sinh thái.

- “Đặc trưng sinh học là biến đổi có mặt trong tất cả các loài thực vật và động vật, vật lý di truyền của chúng và hình thái nội các biến đổi đó xảy ra. Đặc trưng bao gồm (1) đặc trưng di truyền (biến đổi trong gen và trong kiểu gen); (2) đặc trưng loài (sự phong phú các loài) và (3) đặc trưng sinh thái (cấu trúc loài và môi trường của chúng).



A D N G S I R H H C

II. Vai trò của các sinh học.

1. Vai trò của các sinh học trong cuộc sống con người.

- Nguồn cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của con người.
- Là nguồn cung cấp dược liệu.
- Bổ trợ và vận hành, quản lý và phát triển bền vững.

2. Vai trò của các sinh học trong sinh thái nông nghiệp.

Ngày nay, các nhà khoa học trên thế giới đã quan tâm nghiên cứu vai trò và ý nghĩa của các sinh học trong sinh thái nông nghiệp (Swift và cộng sự, 1996). Các nghiên cứu cho thấy trong khi hệ sinh thái tự nhiên là sản phẩm của các hoạt động thực vật thông qua dòng năng lượng, dinh dưỡng và vật chất sinh học.



A D N O S I R H H C

- a d n g g i m d n n thiên tai, d ch b nh i v i nông nghi p
nghiêm tr n g h n, a d n g t o ra cân b n g sinh h c g i a d ch
b nh và thiên ch, i u hòa khí kh u, b o t n tài nguyên n c và
tài nguyên t.

3. a d n g sinh h c duy trì và nâng cao s c kh e môi tr n g s n g.

-Môi tr n g s n g c a con n g i, h n g th c v t ph thu c vào
ngu n n c, tài nguyên t và không khí.

- a d n g sinh h c không nh n g b o t n, duy trì s l n g ngu n
tài nguyên n c và t, nó còn giúp t n g màu m c a t,
nâng cao ch t l n g ngu n n c cho con n g i và các sinh v t.



A D NG SINH H C

- a d ng có vai trò làm gi m nh ng tác ng c a con ng i n môi tr ng, nh ng n ng a và phân gi i khí th i, ch t th i, ngay c ch t th i r n do các ho t ng c a con ng i t o ra chuy n thành đ ng h u ích ho c ít c h i h n.

III. A D NG SINH H C.

1. a d ng v loài.

•*Khái ni m.*

- a d ng loài là nhi u loài trong m t vùng hay m t n i sinh s ng t nhiên (r ng m a, r ng ng p m n và n i sinh s ng t nhi n khác).

Loài có th t o thành các nhóm, m i nhóm có cùng m t s c i m hay t p tính sinh s ng nào ó.

- a d ng loài là s l ng và s a d ng c a các loài c tìm th y t i m t khu v c nh t nh t i m t vùng nào ó.



A D N G S I R H H C

- **a d n g loài trên th gi i.**

- c tính n th i i m này ã có kho ng 1,7 tri u loài ã c xác nh; còn t ng s loài t n t i trên trái t vào kho ng 5 tri u n g n 100 tri u . Theo nh c tính c a công tác b o t n, có kho ng 12,5 tri u loài trên trái t. N u xét trên khái ni m s l ng loài n thu n, thì s s ng trên trái t ch y u bao g m côn trùng và vi sinh v t

- **Các loài trên c n và n c ng t.**

- + Các loài m i v n ti p t c c phát hi n th m chí có c các loài chim và thú. Trung bình kh ng 3 loài chim c tìm th y hàng n m. T n m 1990, 10 loài m i c phát hi n. Các nhóm ng v t có x ng s ng ch a th mô t ây .

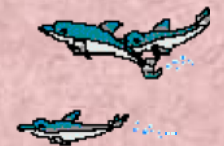


ADRSINHC

+ Trong r ñng nhi t i ã phát hi n c 1200 loài b cánh c ñng và 80% trong ó là các loài m i cho khoa h c. Có ít nh t 6 tri u n 9 tri u ñng v t chân kh p và có th lên tới 30 tri u loài. Nh ñng ch có m t ph n nh c mô t . M t di ñn tích 1M² r ñng ôn i có th ch a 200000 con r p và hàng ch c nghìn VKXS khác.

-Các loài sinh v t bi n.

+ áy bi n sâu có th ch a h n m t tri u loài ch a c bi t n. Các qu n xã sinh v t hoàn toàn m i- các qu n xã h c th y nhi t – m i c bi t n ch a t i hai th p niên tr c ây. H n 20 h ho c phân h m i,50 chi m i và 100 loài sinh v t m i c a nh ñng h c này ã c ñnh danh.



A D N O S I R H H C

- Thành phần đa dạng của trái đất.

Nhóm sinh vật	Số lượng loài đã được miêu tả (%)	Số lượng loài ước tính (%)*
Động vật chân khớp	1,065,000 (61%)	8,900,000 (65%)
Thực vật ở cạn	270,000 (15%)	320,000 (2%)
Protoctists	80,000 (5%)	600,000 (4%)
Nấm	72,000 (4%)	1,500,000 (11%)
Thân mềm	70,000 (4%)	200,000 (1%)
Động vật có dây sống	45,000 (3%)	50,000 (<1%)
Giun tròn	25,000 (1%)	400,000 (3%)
Vi khuẩn	4,000 (<1%)	1,000,000 (7%)
Vi rút	4,000 (<1%)	400,000 (3%)
Nhóm khác	115,00 (7%)	250,000 (2%)
Total	1,750,000 (100%)	13,620,000 (98%)



A D R O S I A H H C

- **a d ng loài Vi t Nam.**

Vi t Nam c qu c t công nh n là m t trong nh ng qu c gia có tính a d ng sinh h c cao nh t trên th gi i, v i nhi u ki u r ng, m l y, sông su i, r n san hô... t o nên môi tr ng s ng cho kho ng 10% t ng s loài chim và thú hoang dã trên th gi i. Là qu c gia x p th 16 v a d ng sinh h c trên th gi i.

- **a d ng v th c v t.**

+ Có kho ng 12000 loài trong ó có kho ng 2300 loài ã c khai thác và s d ng làm l ng th c th c ph m và làm thu c...

+ Vi t Nam tuy không có h c h u nh ng có kho ng 3% loài c h u.

+ N c ta là n c có r ng nhi t i m nên s l ng loài thì nhi u song không có loài chi m u th .



A D R O S I A H H C

+ Hiện nay mất số loài cây quý như g, g m t ... và nhiều cây thuốc quý như ba kích ... đã hiếm dần. Nhiều loài cây đã trở nên quý hiếm và có nguy cơ bị tuyệt chủng như g c m lai, hoàng đàn, p mu.....

- a d n g v n g v t.

➤ 275 loài thú

➤ 828 loài chim (100 loài đặc hữu)

➤ 258 loài bò sát

➤ 82 loài lưỡng cư

➤ 52 loài tôm (27 loài đặc hữu)

➤ 544 loài cá nước ngọt (35 loài đặc hữu)

➤ 2038 loài cá biển

➤ 5000 loài côn trùng



A D N O S I R H H C

2. a d n g di truy n.

•Khái ni m:

• a d n g di truy n là nhi u gen trong m t loài, m i loài có các cá th , m i cá th là t h p các gen c thù, có ngh a là loài có các qu n th khác nhau, m i qu n th có t h p di truy n khác nhau. Do v y b o t n a d n g di truy n ph i b o t n các qu n th khác nhau c a cùng m t loài.

*Bi u hi n a d n g di truy n.

a) Các ki u gen (genotype), các v n gen (genopool) khác nhau trong m i qu n th trong các qu n th m i loài.

- Ki u gen (genotyp): là toàn b các gen trong tê bào c a c th sinh v t. Trong th c t khi nói t i ki u gen c a m t c th , ng i ta xét m t vài c p gen nào ó liên quan n các c p tính tr ng nghiên c u.



A D ROSIN H C

- - Genotyp có hai ph n:
- G m các n v riêng l (các gen) quy nh tính tr ng này hay tính tr ng khác
- Các tính tác ng t ng h gi a các gen nên mang tính th ng nh t tr n v n, i u hoà toàn b quá trình s ng.
- VD: Tính tr ng màu s c m t, màu thân ru i gi m:



AD RGSINH H C

- b) Các quần thể khác nhau của một loài có kiểu gen khác nhau, vốn gen khác nhau, kiểu hình khác nhau.
-VD: Vốn gen giống lúa TH3-3 năng suất cao, chu kỳ chín sớm,米粒短,米质好,抗病虫害能力强 (giảm 50% chi phí thuốc trừ sâu)...(tìm ra bởi PGS Nguyễn Thị Trâm nguyên giảng viên Trường Đại học Nông nghiệp 1)



A D N G S I R H H C

- **Nguyên nhân của biến đổi di truyền.**

Gồm các nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp làm thay đổi quần thể.

- Đột biến (gen, NST).
- Tái tổ hợp gen trong sinh vật sinh sản hữu tính.
- Di nhập gen.
- Sự phiêu bạt gen.
- Sự sinh sản phân hóa.
- Chọn lọc tự nhiên và nhân tạo.

- **Các phương pháp phân tích biến đổi di truyền.**

- Hiện nay có nhiều phương pháp phân tích biến đổi di truyền.
- Các kỹ thuật phân tử (RAPD, AFLP, RFLP, SSR...)
- Giải trình tự DNA.



A D N G S I R H H C

- - Phân tích protein, enzyme, izozyme.

-Phân tích b nhĩ m s c th .

Nguyên t c chung c a các ph ng pháp là d a trên m c
t ng ng v t ch t di truy n, xác nh quan h h c hàng, là n n
t ng ánh giá m c a d ng sinh v t.

3. a d ng h sinh thái.

•Khái ni m.

- a d ng h sinh thái là nhi u h sinh thái trong m t a i m, m t
h sinh thái có m t c ng ng các sinh v t s ng, các sinh v t s ng
này tác ng qua l i v i môi tr ng t nhiên c a h sinh thái, m t
h sinh thái có th bao trùm m t ph m vi r ng ho c ph m vi h p
khác nhau. Trong m t h sinh thái có th chia thành các h sinh thái
ph tùy theo nhu c u nghiên c u và b o t n c a vùng và qu c gia.



A D N G S I R H H C

- a d n g sinh thái là s p hong phú c a m i sinh c nh, m i qu n xã sinh v t, m i quá trình sinh thái c n g nh nh ng bi n i trong t n g h sinh thái.

- **Cách ánh giá h sinh thái.**

- a d n g loài.

- S p hong phú c a m t loài.

- S l n g loài trong m i b c dinh d n g.

- **Các h sinh thái chính:**

- H sinh thái trên c n:

+ Khí h u, nhi t , l n g m a, t..... khác nhau làm nh h n g n c u trúc, c i m qu n xã sinh v t.

+ Hình thành h sinh thái trên c n quy t nh b i h n g th c v t c tr n g.



A D N O S I R H H C

- H sinh thái d i n c:

+ T ng i n nh, không phân chia theo khí h u mà phân chia theo c tr ng c a h n c.

Ví d : H sinh thái n c ng t, n c hái n c l , h sinh n c ch y, n c ng.

• Các h sinh thái c b n

- H sinh thái hoang m c.

- H sinh thái ài nguyên (hay ng rêu).

- H sinh thái ng c .

- H sinh thái savan.

- Các h sinh thái r ng.

- H sinh thái bi n.



A D N O S I R H H C

- **H sinh thái hoang m c.**

- Phân bố : vùng khí h u nhi t i i n hình.
- i u ki n môi tr ãng: khô h n, l ãng m a th p (<250 mm/n m), nhi t ãng nóng vào ban ngày và l ãnh vào ban ãm, mùa hè nóng, mùa ãng l ãnh. T c ãng gió cao. t ãng nghèo dinh d ãng, thi u ch t h u c .
- Th c v t: h th c v t ãng n, th a th t, che ph th p, không có cây g ãng cao. Có bi n ãng thích nghi v i i u ki n s ãng kh c ãng nghi t (VD: cây có r ãng sâu hút n ãng, lá bi n ãng thành gai nh ãng, thân tr ãng n ãng ...)
- ãng v t: s ãng loài ít, thích nghi cao v i i s ãng khô h n.

G m:

- ãng v t có x ãng s ãng c l n: l c ãng m t b ãng u, linh d ãng, báo, s ãng t ,...



A D N O S I R H H C

- Các loài g m nh m trong t: chu t túi, chu t àn...
- Các loài chim ch y
- Các loài sâu b cánh c ng (trong ó h Tenebrinidae chi m u th và là nh ng loài c tr ng c a hoang m c)
- N ng su t s c p th p, chu i th c n ng n, t ng sinh kh i nh .
- H sinh thái hoang m c th ng không b n v ng, có nhi u thay i b i s bi n i c a môi tr ng.

•H sinh thái ng rêu:

- Phân b : các vùng c c và bao quanh các vùng c c trái t.
- i u ki n khí h u: khí h u vùng c c l nh giá, mùa ông dài kh c nghi t, mùa hè ng n (h n 7 tháng nhi t <0oC). Mây mù che ph quanh n m nên chi u sáng th p. L ng m a th p, ch y u m a d ng tuy t.



A D N O S I R H H C

- Th c v t: kém phát tri n do t l nh và óng b ng. Ch y u là rêu, a y, các cây b i cao kho ng 50cm (bông lau, phong lùn ...).

Không có cây g cao.

- ng v t: các loài thích nghi v i ch u l nh nh tu n l c, th c c, ch n c c, g u tr ng B c c c, chim cánh c t ...

Các loài này th ng s ng thành b y àn. Có hi n t ng di c xu ng th p h n tránh rét khi quá l nh.

•H sinh thái ng c :

- Phân b : c vùng ôn i v i m t di n tích r ng l n trên b m t Trái t. Các ng c ôn i bao g m các th o nguyên Nga, các ng hoang Nam M , và các ng c (prairies) B c M .

- i u ki n môi tr ng: L ng m a th p, phân tán, khí h u n a m ho c n a khô h n. a hình th p và t ng i r ng l n.



A D N O S I N H H C

-Th c v t:

+ Ch y u là c th p lâu n m, trong ó h Lúa chi m u th do có kh n ng ch ng s gi m p, h r phân b r ng h p thu n c và ch t dinh d ã ng trong t hi u qu .

+ Thành ph n loài thay i theo khí h u, t ng tr ã ng m nh vào mùa m a.

+Không có cây g .

+ H u h t các ã ng c ã ngày nay c s ã ã ng cho phát tri n mùa màng, c bi t lúa m và ngô.

- ã ng v t:

+ ã ng v t ã c : bò bison, ã a hoang, trâu bò, linh d ã ng s ã ng dài...



A D R O S I R H H C

+ Các loài ào hang: chu t, chu t nh y, th ...

+ ng v t n th t: ch n, chó sói...

Chúng s ng theo àn. Có hi n t ng ng ông, ng hè và di c theo mùa.

-N ng su t s c p trung bình, t ng tr ng m nh vào mùa m a. N ng l ng i qua h sinh thái th p, chu i th c n ng n nh ng ph c t p.

- C v n không gi ch t dinh d ng lâu trong c th mà phân hu nhanh chóng nên kh n ng quay vòng dinh d ng nhanh.

•H sinh thái savan:

- Phân b : Savan là m t d ng ng c c a nhi t i.

- i u ki n môi tr ng: khí h u savan khô nóng.



A D R O S I R H H C

-Th c v t: r ng cây b i m c xen v i c . Ch y u là c b i, s ng lâu n m có lá d t, dài, s c nh n, thô ráp, m c thành r ng, có kh n ng ch u l a, có v dày và x p. Cây g l n th ng m c thành các nhóm ho c ng l mình, xung quanh là nh ng cây b i và c .

- ng v t:

+T p trung nhi u ng v t n c nh t: ng a v n, h u cao c , linh d ng.

+ ng v t n th t: s t , báo, linh c u...

+ M t s loài thú nh v i i s ng ào hang: chu t...

Côn trùng: m i, ki n, cào cào (phân hu các loài th c v t nh).



A D N O S I R H H C

- Có 4 kiểu hình sinh thái Savan :
 - Cỏ cao-cây gỗ thưa: quần xã cỏ mềm dày và khoai xen kẽ với những cây gỗ thưa. Kiểu này phân bố rộng khắp châu Phi.
 - Cỏ cao-keo: cỏ mềm thành bãi cao khoảng 1.5m xen kẽ với các cây gỗ keo rụng lá (bách đàn Úc).
 - Trảng cỏ khô không liên tục: cây bụi thưa thớt, có gai, có nhiều chất xơ. Kiểu này thường gặp ở những hoang mạc khô.
 - Savan cỏ ngắn: thảm cỏ thấp và thưa thớt và rải rác. Kiểu này thường là có chút ít tác động của con người.



AD RGSINHT C

- **Các h sinh thái r ng:**

- R ng là h sinh thái u th , chi m 2/3 b m t Trái t.
- R ng là m t h sinh thái t ng h p, c u trúc ph c t p, n ng su t sinh h c cao và kh i l ng l n. Cây r ng có kh n ng thích nghi sinh thái r ng và s ng trong i u ki n khí h u khác nhau.
- Bao g m: h sinh thái r ng lá kim – taiga (Boreal forest), h sinh thái r ng r ng lá (Temperate forest), h sinh thái r ng m a nhi t i (Tropical rain forest).

- * **H sinh thái r ng lá kim:**

- Phân b r ng h u h t các vùng phía B c c a B c Âu và B c M .
- i u ki n môi tr ng: khí h u mùa ông kéo dài, tuy t ph dày, mùa hè ng n và m. L ng m a th p (375-500 mm/n m), ph n l n d ng tuy t.



- Thực vật: Các loài cây thường xanh như Vân sam, Lãnh sam, Thiến thảo và Thông. Các loài cây gỗ này có lá và vỏ dày, lá có đường kim có thể chịu đựng được sự thay đổi nhiệt độ, bao gồm mùa đông và hè.

- Động vật: thích nghi với khí hậu ôn đới.

+ Động vật ăn thịt: sói, chim...

+ Động vật ăn cỏ: tuần lộc, thỏ, nai, hươu, bò rừng...

+ Động vật ăn thịt: chó sói, linh miêu...

+ Một số loài chim: chim mào chèo, gà lôi rừng...

+ Một số ít côn trùng.

+ Nhiều loài có tập tính di cư vào mùa đông.

• **Hình thái rừng lá rộng:**

Phân bố: miền đông Bắc Mỹ, Đông Á, và nhiều nơi ở Châu Âu.



- Lượng mưa môi trường: Lượng mưa hàng năm (750-1500 mm/năm). Mùa sinh trưởng kéo dài 6 tháng. Đất giàu dinh dưỡng.
- Đặc điểm: đa dạng hình thức rừng lá kim, gymnosperm, thích, độ ẩm, độ ẩm và rừng cây gỗ lớn lá rụng khác. Cây có tán lá rụng, rụng vào mùa thu, mọc lại vào mùa xuân.

Rừng có hình thức phân bố:

- +T rừng các cây gỗ lớn lá rụng,
- +T rừng cây bụi
- +T rừng cây thảo
- +T rừng rêu và địa y.

Đặc điểm: đa dạng và phong phú hình thức do phong phú về nhiệt độ và giàu dinh dưỡng. Động vật sống trên cây (sóc, các loài chim...), các loài thú săn tìm sống trên mặt đất (linh miêu, chó sói, cáo, hổ, heo rừng, chồn, gấu...), các loài thú nhai nhai (cừu, dê, ngựa), các loài bò sát và lưỡng cư, và nhiều loài côn trùng.



- Năng suất cao (8000 kcal/m²/năm) hơn rừng lá kim nhờ thực phẩm rừng nhiệt đới. Chu trình dinh dưỡng có nhiều bước dinh dưỡng, mang lại thực phẩm phong phú.

- Chu trình dinh dưỡng dao động thành phần loài.

* **H sinh thái rừng mưa nhiệt đới:**

- Phân bố : vùng gần khu vực xích đạo.

- Điều kiện môi trường: khí hậu nóng ẩm quanh năm, lượng mưa cao (>2000 mm/năm). Rừng quanh năm xanh tốt, có nhiều tầng, hình thức đa tầng phong phú. Màu sắc.

- Thực vật: rừng quanh năm xanh tốt, có nhiều tầng, hình thức đa tầng phong phú.

- Động vật: các loài côn trùng đa tầng phong phú, chim có xu hướng màu sắc sặc sỡ, Bò sát và lưỡng cư xuất hiện nhiều. Nhiều loài linh trưởng: khỉ (Lemurs), sloth (Sloths), và khỉ (Monkeys)...



- Th i k sinh tr ãng quanh n ãm nên n ãng su t c ã h sinh th ái cao
(n ãng su t s ã c p 20000 kCal/m²/n ãm).

* H sinh th ái bi ãn.

***H sinh th ái Vi t Nam g ãm 3 d ãng chính:**

- Các h sinh th ái trên c ãn.

-H sinh th ái bi ãn.

-H sinh th ái t ãng p ãn c.

-H sinh th ái bi ãn ãi do con ãng ãi.



Các hình sinh thái trên cạn.

- Rừng xanh mướt ẩm nhiệt đới
- Rừng rụng lá ẩm nhiệt đới
- Rừng kín rụng lá hiếm nhiệt đới
- Rừng kín lá cứng hiếm khô nhiệt đới
- Rừng thưa cây lá rụng hiếm khô nhiệt đới
- Rừng thưa cây lá kim hiếm khô nhiệt đới
- Khu vực rừng cây to, cây bụi, cỏ cao khô nhiệt đới



Hình thái biển

- Việt Nam có thiên nhiên ưu ái cho một biển dài, có rất nhiều đảo và giàu tài nguyên; các hình thái biển chủ yếu được phân bố dọc theo vùng lãnh hải nội bộ và gần có các rạn san hô, thềm biển và rặng ngầm.
- Có các vùng đầm lầy thềm biển, các khu rặng ngầm, vùng cửa sông, các khu đầm phá, vịnh, nhả, nhả rạn san hô, các vùng châu thổ, các bãi cát ven biển, đảo, bãi triều theo thềm biển, thềm lục địa và cung, các đảo nuôi trồng thủy sản.
- Hình thái biển Việt Nam bao gồm: thềm lục địa phù du, rặng lục địa phù du, rặng lục địa biển và rặng lục địa.



Hình thái vùng miền

- Diện tích 39.734 km², trải dài dọc bờ biển Cửa Long đã hình thành và phát triển các hình thái tự nhiên rất đa dạng. Đó là hình thái rừng Tràm U Minh, hình thái rừng ngập mặn ven biển, hình thái nông nghiệp.
- Đây, có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, vườn chim, sân chim tự nhiên hấp dẫn cho du lịch sinh thái. Đặc biệt, hình thái rừng ngập mặn các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre có vai trò cực kỳ quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bảo vệ môi trường sinh thái toàn khu vực.



IV. Tình hình sản xuất.

* *Suy giảm sản lượng sinh học.*

Sản lượng sinh học đang suy giảm với tốc độ nhanh hơn hẳn so với bất kỳ thời kỳ nào.

Vietnam rừng có diện tích thu hoạch được 44% xuất khẩu còn 25%.

• *Suy thoái rừng.*

- Suy thoái rừng toàn cầu.

- Suy thoái rừng trong thiên nhiên hoang dã.

- Suy thoái rừng về phương diện sinh thái.

- Suy thoái rừng do con người.



V. Nguyên nhân làm giảm số lượng sinh học.

- Mất và phá hủy nơi cư trú.
- Sự thay đổi trong thành phần hệ sinh thái.
- Sự nhập nội các loài ngoại lai.
- Khai thác quá mức.
- Gia tăng dân số.
- Ô nhiễm.
- Biến đổi khí hậu.

VI. Hậu quả.

- Mất nguồn dự trữ các loài sinh vật, gen di truyền) và làm suy giảm khả năng đáp ứng nhu cầu của con người về tính bền vững của hệ sinh thái.

- Con người mất đi nguồn thức ăn từ các sản phẩm công nghiệp của ngày hôm nay cũng như trong tương lai.



- Khẩn trương duy trì và thúc đẩy năng suất nông nghiệp, lâm nghiệp và chăn nuôi gia súc.
- Suy giảm đa dạng sinh học còn do nạn săn bắt trái phép các loài sinh vật trên trái đất.

VII. Hình thức bảo tồn đa dạng sinh học.

- Hạn chế sự gia tăng dân số.
- Sử dụng một cách hợp lý tài nguyên thiên nhiên.
- Xóa bỏ gia đình nghèo.
- Giảm thiểu các loài sinh vật tuyệt chủng khác, đưa thiên nhiên vào vườn thú, chú trọng hình thức bảo tồn tích cực.
- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững.
- Tăng cường giáo dục về bảo vệ đa dạng sinh học cho con người.



Nhóm th c hi n:

- Tô v n T i
- inh V n Phú
- Ng c Tuy n
- Nguy n Ng c Ti n
- Ph m kh c D ng
- V Th H ng
- V Th Huy n
- TR n Th H ng Nhung
- Nguy n Tu Mai H ng

Bài báo cáo k t thúc!



Thank You

